VĂN BẢN HỢP NHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 02/2026/VBHN-NQ-HĐND

Quảng Ninh, ngày 03 tháng 11 năm 2026

NGHỊ QUYẾT
Ban hành Quy chế làm việc của Hội đồng nhân dân thành phố Quảng Ninh khóa I, nhiệm kỳ 2026 - 2031[1]

Nghị quyết số 01/2026/NQ-HĐND ngày 27 tháng 3 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh ban hành Quy chế làm việc của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh khóa XV, nhiệm kỳ 2026 - 2031, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 27 tháng 3 năm 2026, được sửa đổi, bổ sung một phần bởi:

Nghị quyết số 02/2026/NQ-HĐND ngày 03 tháng 11 năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố Quảng Ninh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế làm việc của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh, nhiệm kỳ 2026 - 2031 ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2026/NQ-HĐND; có hiệu lực thi hành kể từ ngày 03 tháng 11 năm 2026.

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân số 121/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị quyết số 103/2025/UBTVQH15 ngày 26 tháng 9 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về ban hành Quy chế làm việc mẫu của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố.

Xét Tờ trình số 18/TTr-HĐND ngày 27 tháng 3 năm 2026 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 48/BC-HĐND ngày 27 tháng 3 năm 2026 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân thành phố ban hành Nghị quyết ban hành Quy chế làm việc của Hội đồng nhân dân thành phố Quảng Ninh khoá I, nhiệm kỳ 2026 - 2031.

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy chế làm việc của Hội đồng

---

[1] Tên gọi của Nghị quyết số 01/2026/NQ-HĐND được sửa đổi theo quy định tại khoản 1 Điều 3 của Nghị quyết số 02/2026/NQ-HĐND ngày 03 tháng 11 năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố Quảng Ninh, có hiệu lực kể từ ngày 03 tháng 11 năm 2026.

nhân dân thành phố Quảng Ninh khóa I, nhiệm kỳ 2026 - 2031[2].

Điều 2.

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 27 tháng 3 năm 2026.

2. Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các ban của Hội đồng nhân dân, các tổ đại biểu Hội đồng nhân dân, các vị đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố, Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân thành phố và các cơ quan có liên quan có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

QUY CHẾ
LÀM VIỆC CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NINH KHÓA I, NHIỆM KỲ 2026 - 2031[3]

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về nguyên tắc, chế độ, hình thức làm việc, quy trình thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn, quan hệ công tác của Hội đồng nhân dân thành phố[4], Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố, Ban của Hội đồng nhân dân thành phố, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố, đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố.

2. Đối tượng áp dụng

Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố, Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân thành phố, các tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Nguyên tắc, chế độ làm việc của Hội đồng nhân dân thành phố[5]

1. Hoạt động của Hội đồng nhân dân thành phố phải tuân thủ Hiến pháp và pháp luật, thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, công khai, minh bạch, phát huy quyền làm chủ của Nhân dân, phục vụ Nhân dân và chịu sự giám sát của Nhân dân; thực hiện hiệu quả ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số. Việc công khai thông tin về hoạt động của Hội đồng nhân dân thành phố trên Cổng thông tin điện tử phải bảo đảm tuân thủ các quy định về bảo vệ bí mật nhà nước.

---

[2] Tên gọi của Quy chế làm việc ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2026/NQ-HĐND được sửa đổi theo quy định tại khoản 2 Điều 3 của Nghị quyết số 02/2026/NQ-HĐND ngày 03 tháng 11 năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố Quảng Ninh, có hiệu lực kể từ ngày 03 tháng 11 năm 2026.

[3] Tên gọi của Quy chế làm việc ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2026/NQ-HĐND được sửa đổi theo quy định tại khoản 2 Điều 3 của Nghị quyết số 02/2026/NQ-HĐND ngày 03 tháng 11 năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố Quảng Ninh, có hiệu lực kể từ ngày 03 tháng 11 năm 2026.

[4] Cụm từ "Hội đồng nhân dân tỉnh" tại khoản 1 và khoản 2 Điều 1 được thay thế bằng cụm từ "Hội đồng nhân dân thành phố" theo quy định tại khoản 1 Điều 2 của Nghị quyết số 02/2026/NQ-HĐND ngày 03 tháng 11 năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố Quảng Ninh, có hiệu lực kể từ ngày 03 tháng 11 năm 2026.

[5] Cụm từ "Hội đồng nhân dân tỉnh" tại Điều 2 được thay thế bằng cụm từ "Hội đồng nhân dân thành phố" theo quy định tại khoản 1 Điều 2 của Nghị quyết số 02/2026/NQ-HĐND ngày 03 tháng 11 năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố Quảng Ninh, có hiệu lực kể từ ngày 03 tháng 11 năm 2026.

2. Hội đồng nhân dân thành phố hoạt động theo chế độ tập thể, quyết định theo đa số, bảo đảm trách nhiệm giải trình gắn với cơ chế kiểm soát quyền lực. Đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố bình đẳng trong thảo luận và quyết định các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân thành phố.

3. Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố, Ban của Hội đồng nhân dân thành phố chịu trách nhiệm và báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao trước Hội đồng nhân dân thành phố; ban hành văn bản theo thẩm quyền và được sử dụng con dấu của Hội đồng nhân dân thành phố để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao. Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố về kết quả thực hiện các nhiệm vụ được giao.

4. Hội đồng nhân dân thành phố giữ mối liên hệ chặt chẽ, thường xuyên với Ủy ban nhân dân, các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp và các cơ quan hữu quan trong việc chuẩn bị chương trình, nội dung kỳ họp Hội đồng nhân dân thành phố và việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao, bảo đảm đúng quy định pháp luật.

Điều 3. Quan hệ công tác của Hội đồng nhân dân thành phố với các cơ quan Trung ương và địa phương[6]

1. Hội đồng nhân dân thành phố giữ mối liên hệ thường xuyên và chịu sự giám sát, hướng dẫn của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; giữ mối liên hệ chặt chẽ với các cơ quan của Quốc hội, Văn phòng Quốc hội và các cơ quan có liên quan, bảo đảm tính thống nhất, thông suốt trong hoạt động của hệ thống cơ quan dân cử từ Trung ương đến địa phương.

2. Hội đồng nhân dân thành phố phối hợp chặt chẽ, thường xuyên trao đổi thông tin với Ủy ban nhân dân thành phố và các cơ quan có liên quan trong việc chuẩn bị chương trình, nội dung làm việc của kỳ họp Hội đồng nhân dân thành phố, các báo cáo, đề án, dự thảo nghị quyết trình Hội đồng nhân dân thành phố; giải quyết các vấn đề nảy sinh trong quá trình thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố.

3. Hội đồng nhân dân thành phố phối hợp, trao đổi thông tin với Đoàn đại biểu Quốc hội trong các hoạt động tiếp xúc cử tri, tiếp công dân, giám sát, xây dựng pháp luật. Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội, Phó Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội được mời tham dự các kỳ họp của Hội đồng nhân dân thành phố, Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố, tham gia đoàn khảo sát, giám sát tại địa phương.

4. Hội đồng nhân dân thành phố phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp và các tổ chức chính trị - xã hội cùng cấp trong việc tuyên truyền, vận động Nhân dân tham gia xây dựng và củng cố chính quyền nhân dân, tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật của Nhà nước, giám sát, phản biện xã hội đối với hoạt động của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân thành phố; tổ chức cho đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố thực hiện tiếp xúc cử tri và tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri theo quy định và các công việc khác có liên quan theo quy định pháp luật.

5. Hội đồng nhân dân thành phố giám sát hoạt động của Tòa án nhân dân, Viện

---

[6] Cụm từ "Hội đồng nhân dân tỉnh" tại Điều 3 được thay thế bằng cụm từ "Hội đồng nhân dân thành phố"; cụm từ "Ủy ban nhân dân tỉnh" tại khoản 2 và khoản 4 Điều 3 được thay thế bằng cụm từ "Ủy ban nhân dân thành phố" theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 02/2026/NQ-HĐND ngày 03 tháng 11 năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố Quảng Ninh, có hiệu lực kể từ ngày 03 tháng 11 năm 2026.

kiểm sát nhân dân khu vực và Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân thành phố theo quy định của pháp luật; phối hợp trong việc trao đổi, cung cấp thông tin có liên quan phục vụ hoạt động giám sát của Hội đồng nhân dân thành phố[7].

Chương II

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

Điều 4. Kỳ họp Hội đồng nhân dân thành phố[8]

1. Hội đồng nhân dân thành phố họp mỗi năm ít nhất 02 kỳ.

Hội đồng nhân dân thành phố quyết định kế hoạch tổ chức các kỳ họp thường lệ vào kỳ họp thứ nhất của Hội đồng nhân dân thành phố (đối với năm bắt đầu nhiệm kỳ) và vào kỳ họp cuối cùng của năm trước đó (đối với các năm tiếp theo của nhiệm kỳ) theo đề nghị của Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố.

2. Hội đồng nhân dân thành phố họp chuyên đề hoặc họp để giải quyết công việc phát sinh đột xuất khi Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố hoặc ít nhất một phần ba tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố yêu cầu.

Điều 5. Chuẩn bị kỳ họp Hội đồng nhân dân thành phố[9]

1. Căn cứ quy định của pháp luật, chỉ đạo của cấp có thẩm quyền và tình hình thực tiễn địa phương, Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố chỉ đạo Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân thành phố, các ban của Hội đồng nhân dân thành phố phối hợp với Ủy ban nhân dân và các cơ quan chuyên môn rà soát các nội dung dự kiến trình tại kỳ họp.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố tổ chức hội nghị giữa Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố, Ủy ban nhân dân, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố và các cơ quan hữu quan để thống nhất về thời gian, nội dung, chương trình kỳ họp thường lệ, những vấn đề có liên quan đến kỳ họp và phân công các cơ quan chuẩn bị.

3. Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố báo cáo cấp có thẩm quyền về dự kiến thời gian, nội dung, chương trình kỳ họp theo quy định.

4. Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố ban hành thông báo về dự kiến thời gian, nội dung, chương trình kỳ họp; kế hoạch tiếp xúc cử tri trước và sau kỳ họp (đối với kỳ họp thường lệ); phân công các ban của Hội đồng nhân dân thành phố thẩm tra các nội dung trình kỳ họp theo quy định của pháp luật và lĩnh vực phụ trách.

---

[7] Khoản 5 Điều 3 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 1 của Nghị quyết số 02/2026/NQ-HĐND ngày 03 tháng 11 năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố Quảng Ninh, có hiệu lực kể từ ngày 03 tháng 11 năm 2026.

[8] Cụm từ "Hội đồng nhân dân tỉnh" tại Điều 4 được thay thế bằng cụm từ "Hội đồng nhân dân thành phố"; cụm từ "Ủy ban nhân dân tỉnh" tại khoản 2 Điều 4 được thay thế bằng cụm từ "Ủy ban nhân dân thành phố" theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 02/2026/NQ-HĐND ngày 03 tháng 11 năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố Quảng Ninh, có hiệu lực kể từ ngày 03 tháng 11 năm 2026.

[9] Cụm từ "Hội đồng nhân dân tỉnh" tại Điều 5 được thay thế bằng cụm từ "Hội đồng nhân dân thành phố"; cụm từ "Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh" tại khoản 2 Điều 5 được thay thế bằng cụm từ "Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Quảng Ninh"; cụm từ "Ủy ban nhân dân tỉnh" tại khoản 5 Điều 5 được thay thế bằng cụm từ "Ủy ban nhân dân thành phố" theo quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 2 Nghị quyết số 02/2026/NQ-HĐND ngày 03 tháng 11 năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố Quảng Ninh, có hiệu lực kể từ ngày 03 tháng 11 năm 2026.

5. Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố phối hợp với Ủy ban nhân dân thành phố trong việc chuẩn bị các tài liệu và tổ chức các kỳ họp Hội đồng nhân dân thành phố.

Điều 6. Tổ chức kỳ họp Hội đồng nhân dân thành phố[10]

1. Kỳ họp thứ nhất của Hội đồng nhân dân thành phố khóa mới được tổ chức chậm nhất là 45 ngày kể từ ngày bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố; trong trường hợp có bầu cử lại, bầu cử thêm đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố hoặc lùi ngày bầu cử thì thời hạn tổ chức kỳ họp thứ nhất được tính từ ngày bầu cử lại, bầu cử thêm hoặc ngày bầu cử mới.

Trong nhiệm kỳ, Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố quyết định tổ chức kỳ họp thường lệ chậm nhất là 20 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp. Việc tổ chức kỳ họp chuyên đề hoặc họp để giải quyết công việc phát sinh đột xuất do Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố quyết định.

2. Kỳ họp thứ nhất của Hội đồng nhân dân thành phố do Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố khóa trước triệu tập.

3. Dự kiến chương trình kỳ họp Hội đồng nhân dân thành phố được gửi đến đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố cùng với quyết định triệu tập kỳ họp.

Điều 7. Chương trình kỳ họp Hội đồng nhân dân thành phố[11]

Hội đồng nhân dân thành phố xem xét, thông qua chương trình kỳ họp theo trình tự sau đây:

1. Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố trình Hội đồng nhân dân thành phố dự kiến chương trình kỳ họp. Tại kỳ họp thứ nhất của Hội đồng nhân dân thành phố, Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố khóa trước dự kiến chương trình kỳ họp trình Hội đồng nhân dân thành phố khóa mới xem xét, quyết định;

2. Đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố thảo luận, cho ý kiến về dự kiến chương trình kỳ họp;

3. Chủ tọa kết luận;

4. Hội đồng nhân dân thành phố biểu quyết thông qua chương trình kỳ họp.

Điều 8. Trách nhiệm của Chủ tọa kỳ họp, Chủ tọa phiên họp Hội đồng nhân dân thành phố[12]

1. Chủ tọa điều hành kỳ họp, các phiên họp của Hội đồng nhân dân thành phố là Chủ tịch Hội đồng nhân dân thành phố hoặc triệu tập viên. Trường hợp khuyết Chủ tịch Hội đồng nhân dân thành phố thì Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố phân công một Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân thành phố chủ tọa kỳ họp.

2. Chủ tọa kỳ họp, các phiên họp của Hội đồng nhân dân thành phố có trách

---

[10] Cụm từ "Hội đồng nhân dân tỉnh" tại Điều 6 được thay thế bằng cụm từ "Hội đồng nhân dân thành phố" theo quy định tại khoản 1 Điều 2 của Nghị quyết số 02/2026/NQ-HĐND ngày 03 tháng 11 năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố Quảng Ninh, có hiệu lực kể từ ngày 03 tháng 11 năm 2026.

[11] Cụm từ "Hội đồng nhân dân tỉnh" tại Điều 7 được thay thế bằng cụm từ "Hội đồng nhân dân thành phố" theo quy định tại khoản 1 Điều 2 của Nghị quyết số 02/2026/NQ-HĐND ngày 03 tháng 11 năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố Quảng Ninh, có hiệu lực kể từ ngày 03 tháng 11 năm 2026.

[12] Cụm từ "Hội đồng nhân dân tỉnh" tại Điều 8 được thay thế bằng cụm từ "Hội đồng nhân dân thành phố" theo quy định tại khoản 1 Điều 2 của Nghị quyết số 02/2026/NQ-HĐND ngày 03 tháng 11 năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố Quảng Ninh, có hiệu lực kể từ ngày 03 tháng 11 năm 2026.

nhiệm điều hành theo trình tự quy định tại Quy chế này.

Điều 9. Trách nhiệm của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp[13]

1. Tham gia đầy đủ các phiên họp, kỳ họp của Hội đồng nhân dân thành phố. Trường hợp không tham dự các phiên họp, kỳ họp Hội đồng nhân dân thành phố thì phải có lý do và báo cáo trước với Chủ tọa kỳ họp, phiên họp, đồng thời thông tin cho Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân thành phố, trừ trường hợp bất khả kháng.

2. Tập trung nghiên cứu, tham gia thảo luận, góp ý kiến vào các nội dung trình kỳ họp Hội đồng nhân dân thành phố và thực hiện quyền giám sát, chất vấn, biểu quyết các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân thành phố theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

3. Đeo huy hiệu, mặc trang phục lịch sự, trang trọng khi thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn với tư cách là đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố.

4. Thực hiện trả lời phỏng vấn về các nội dung thuộc phạm vi thẩm quyền của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố theo quy định của pháp luật.

5. Sử dụng, bảo quản tài liệu kỳ họp (bao gồm cả tài liệu mật), nội dung phiên họp kín của Hội đồng nhân dân thành phố theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Thành lập Tổ thảo luận tại kỳ họp và trách nhiệm của Tổ trưởng, Tổ phó, thành viên Tổ thảo luận

1. Căn cứ vào tình hình thực tế, Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố[14] xem xét, quyết định thành lập Tổ thảo luận gồm Tổ trưởng, Tổ phó và thành viên là đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố để thảo luận, thống nhất về chương trình, nội dung kỳ họp.

2. Tổ trưởng tổ thảo luận có trách nhiệm tổ chức để đại biểu trong Tổ thực hiện chương trình kỳ họp Hội đồng nhân dân thành phố và các quy định khác về kỳ họp; tổ chức và điều hành hoạt động của Tổ theo sự phân công của Chủ tọa kỳ họp hoặc Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố; giữ mối liên hệ với Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố, các ban của Hội đồng nhân dân thành phố, các tổ đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố. Trong trường hợp cần thiết, Tổ trưởng tổ thảo luận có thể đề nghị Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố mời đại diện các cơ quan có liên quan tham dự phiên thảo luận của Tổ để làm rõ những vấn đề mà đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố quan tâm. Tổ trưởng tổ thảo luận có trách nhiệm tổng hợp ý kiến thảo luận tại Tổ, báo cáo Chủ tọa kỳ họp hoặc Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố về kết quả thảo luận.

3. Tổ phó, thành viên Tổ thảo luận có trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của Tổ trưởng tổ thảo luận.

---

[13] Cụm từ "Hội đồng nhân dân tỉnh" tại Điều 9 được thay thế bằng cụm từ "Hội đồng nhân dân thành phố" theo quy định tại khoản 1 Điều 2 của Nghị quyết số 02/2026/NQ-HĐND ngày 03 tháng 11 năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố Quảng Ninh, có hiệu lực kể từ ngày 03 tháng 11 năm 2026.

[14] Cụm từ "Hội đồng nhân dân tỉnh" tại Điều 10 được thay thế bằng cụm từ "Hội đồng nhân dân thành phố" theo quy định tại khoản 1 Điều 2 của Nghị quyết số 02/2026/NQ-HĐND ngày 03 tháng 11 năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố Quảng Ninh, có hiệu lực kể từ ngày 03 tháng 11 năm 2026.

Điều 11. Công tác thư ký kỳ họp của Hội đồng nhân dân thành phố[15]

Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân thành phố hoặc bộ phận được Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố phân công có trách nhiệm tổ chức thực hiện công tác thư ký kỳ họp, gồm các nội dung sau đây:

1. Lập danh sách đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố có mặt, vắng mặt trong các phiên họp và trong kỳ họp;

2. Ghi biên bản phiên họp, kỳ họp;

3. Tổng hợp đầy đủ, trung thực, chính xác ý kiến của đại biểu tại các phiên họp của kỳ họp;

4. Giúp Chủ tọa kỳ họp trong việc thực hiện quy trình, thủ tục tại kỳ họp, cung cấp thông tin, tài liệu tuyên truyền về kỳ họp, đăng tải nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố trên Cổng thông tin điện tử thành phố;

5. Thực hiện nhiệm vụ khác theo sự phân công của Chủ tọa kỳ họp.

Điều 12. Tài liệu phục vụ kỳ họp Hội đồng nhân dân thành phố[16]

1. Tài liệu phục vụ kỳ họp của Hội đồng nhân dân thành phố được gửi đến Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố, ban của Hội đồng nhân dân thành phố được phân công thẩm tra (qua Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân thành phố) để gửi đến đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố chậm nhất là 15 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp thường lệ.

Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân thành phố quyết định các tài liệu được lưu hành tại kỳ họp sau khi đã báo cáo và xin ý kiến Chủ tịch Hội đồng nhân dân thành phố. Tài liệu chính thức được lưu hành bằng hình thức văn bản giấy hoặc văn bản điện tử (trừ trường hợp thuộc bí mật nhà nước); đối với văn bản quy phạm pháp luật thì thực hiện theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản hướng dẫn thi hành.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố có thể cung cấp thông tin, tài liệu khác liên quan đến nội dung kỳ họp Hội đồng nhân dân thành phố nếu đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố yêu cầu.

3. Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố quyết định chế độ quản lý và việc đăng tải trên Cổng thông tin điện tử thành phố, phần mềm kỳ họp của Hội đồng nhân dân thành phố đối với tài liệu phục vụ kỳ họp Hội đồng nhân dân thành phố theo quy định của pháp luật.

4. Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân thành phố có trách nhiệm đăng tải tài liệu kỳ họp được phép công khai trên Cổng thông tin điện tử thành phố hoặc niêm yết công khai theo quyết định của Thường trực Hội đồng nhân dân

---

[15] Cụm từ "Hội đồng nhân dân tỉnh" tại Điều 11 được thay thế bằng cụm từ "Hội đồng nhân dân thành phố"; cụm từ "trang thông tin điện tử của tỉnh" tại khoản 4 Điều 11 được thay thế bằng cụm từ "Cổng thông tin điện tử thành phố" theo quy định tại khoản 1 và khoản 5 Điều 2 Nghị quyết số 02/2026/NQ-HĐND ngày 03 tháng 11 năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố Quảng Ninh, có hiệu lực kể từ ngày 03 tháng 11 năm 2026.

[16] Cụm từ "Hội đồng nhân dân tỉnh" tại Điều 12 được thay thế bằng cụm từ "Hội đồng nhân dân thành phố"; cụm từ "Cổng thông tin điện tử của tỉnh" tại khoản 3 và khoản 4 Điều 12 được thay thế bằng cụm từ "Cổng thông tin điện tử thành phố" theo quy định tại khoản 1 và khoản 5 Điều 2 Nghị quyết số 02/2026/NQ-HĐND ngày 03 tháng 11 năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố Quảng Ninh, có hiệu lực kể từ ngày 03 tháng 11 năm 2026.

thành phố.

Điều 13. Hình thức tiến hành kỳ họp của Hội đồng nhân dân thành phố[17]

Hội đồng nhân dân thành phố xem xét, quyết định tổ chức kỳ họp theo hình thức trực tiếp (bao gồm cả họp kín), trực tuyến hoặc kết hợp giữa họp trực tiếp với trực tuyến theo đề nghị của Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố. Các phiên họp tại kỳ họp được tiến hành công khai, trường hợp họp kín thì thực hiện theo quy định của pháp luật và được ghi trong chương trình kỳ họp Hội đồng nhân dân thành phố.

Điều 14. Kỳ họp thứ nhất, phiên khai mạc, phiên bế mạc kỳ họp Hội đồng nhân dân thành phố[18]

1. Tại kỳ họp thứ nhất của mỗi khóa Hội đồng nhân dân thành phố, Chủ tịch Hội đồng nhân dân thành phố khóa trước là Chủ tọa các phiên họp của Hội đồng nhân dân thành phố cho đến khi Hội đồng nhân dân thành phố bầu được Chủ tịch Hội đồng nhân dân khóa mới.

2. Phiên khai mạc được tổ chức vào phiên họp đầu tiên của kỳ họp Hội đồng nhân dân. Trước phiên khai mạc, Hội đồng nhân dân thành phố tổ chức họp phiên trù bị (nếu có) để xem xét, thông qua chương trình kỳ họp và một số nội dung khác theo đề nghị của Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố.

Phiên khai mạc kỳ họp Hội đồng nhân dân thành phố thực hiện một số nội dung chính theo trình tự sau: chào cờ, tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu; phát biểu khai mạc, phát biểu chỉ đạo của cấp trên (nếu có) và một số nội dung khác theo chương trình kỳ họp đã được thông qua.

3. Phiên bế mạc được tổ chức sau khi Hội đồng nhân dân thành phố hoàn thành toàn bộ nội dung chương trình kỳ họp đã được thông qua và thực hiện theo trình tự sau: Chủ tọa kỳ họp phát biểu bế mạc, chào cờ.

Điều 15. Trình tự, thủ tục Hội đồng nhân dân xem xét, quyết định các nội dung thuộc nhiệm vụ, quyền hạn tại kỳ họp

Tùy từng nội dung cụ thể mà Hội đồng nhân dân xem xét, quyết định các nội dung thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo trình tự, thủ tục sau đây:

1. Đại diện cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền trình dự thảo nghị quyết, đề án, báo cáo trình bày tờ trình dự thảo nghị quyết, đề án, báo cáo theo quy định hoặc theo yêu cầu của Chủ tọa kỳ họp;

2. Đại diện các ban của Hội đồng nhân dân thành phố[19] được phân công thẩm tra hoặc chuẩn bị ý kiến nghiên cứu trình bày báo cáo thẩm tra, báo cáo nghiên cứu (nếu có);

3. Hội đồng nhân dân thành phố thảo luận tại phiên họp toàn thể hoặc tổ chức

---

[17] Cụm từ "Hội đồng nhân dân tỉnh" tại Điều 13 được thay thế bằng cụm từ "Hội đồng nhân dân thành phố" theo quy định tại khoản 1 Điều 2 của Nghị quyết số 02/2026/NQ-HĐND ngày 03 tháng 11 năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố Quảng Ninh, có hiệu lực kể từ ngày 03 tháng 11 năm 2026.

[18] Cụm từ "Hội đồng nhân dân tỉnh" tại Điều 14 được thay thế bằng cụm từ "Hội đồng nhân dân thành phố" theo quy định tại khoản 1 Điều 2 của Nghị quyết số 02/2026/NQ-HĐND ngày 03 tháng 11 năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố Quảng Ninh, có hiệu lực kể từ ngày 03 tháng 11 năm 2026.

[19] Cụm từ "Hội đồng nhân dân tỉnh" tại khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5 và khoản 6 Điều 15 được thay thế bằng cụm từ "Hội đồng nhân dân thành phố" theo quy định tại khoản 1 Điều 2 của Nghị quyết số 02/2026/NQ-HĐND ngày 03 tháng 11 năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố Quảng Ninh, có hiệu lực kể từ ngày 03 tháng 11 năm 2026.

thảo luận tại Tổ thảo luận theo đề nghị của Chủ tọa hoặc Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố;

4. Cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền trình dự thảo nghị quyết, đề án, báo cáo có trách nhiệm chủ trì phối hợp với cơ quan chủ trì thẩm tra, bộ phận làm nhiệm vụ thư ký kỳ họp để xây dựng báo cáo giải trình, tiếp thu về những nội dung liên quan được thảo luận tại phiên họp toàn thể, phiên họp tổ, nghiên cứu, tiếp thu để chỉnh lý dự thảo (nếu có) để báo cáo Hội đồng nhân dân thành phố tại phiên họp toàn thể;

5. Việc biểu quyết thông qua dự thảo nghị quyết, đề án, báo cáo tại phiên họp Hội đồng nhân dân thành phố được thực hiện như sau:

a) Cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền trình dự thảo nghị quyết, đề án, báo cáo trình bày báo cáo giải trình, tiếp thu, dự thảo đã được chỉnh lý (nếu có);

b) Hội đồng nhân dân thành phố thảo luận về nội dung của dự thảo nghị quyết, đề án, báo cáo; Chủ tọa kỳ họp xin ý kiến đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố về những nội dung còn có ý kiến khác nhau (nếu có) trước khi biểu quyết thông qua. Trường hợp dự thảo có nội dung quan trọng, phức tạp hoặc còn có ý kiến khác nhau, cần có thêm thời gian để nghiên cứu, tiếp thu, chỉnh lý thì Hội đồng nhân dân thành phố quyết định hoặc theo đề nghị của cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền trình dự thảo quyết định lùi thời điểm trình Hội đồng nhân dân thành phố thông qua;

c) Đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố biểu quyết thông qua dự thảo nghị quyết, đề án, báo cáo. Việc biểu quyết có thể bằng các hình thức: trực tiếp, trực tuyến, kết hợp giữa trực tiếp với trực tuyến; thông qua một trong các cách thức: biểu quyết bằng giơ tay; biểu quyết bằng bỏ phiếu kín; biểu quyết bằng hệ thống biểu quyết điện tử. Trường hợp biểu quyết bằng bỏ phiếu kín thì sau khi Hội đồng nhân dân tiến hành bỏ phiếu, Ban kiểm phiếu làm việc và báo cáo Hội đồng nhân dân về kết quả biểu quyết.

6. Nội dung kỳ họp, các phiên họp toàn thể, phiên họp tổ của Hội đồng nhân dân thành phố phải được lập thành biên bản và ký xác thực theo quy định.

Điều 16. Trình tự, thủ tục Hội đồng nhân dân thành phố xem xét, quyết định về công tác nhân sự thuộc thẩm quyền[20]

1. Trình tự, thủ tục trình Hội đồng nhân dân thành phố bầu các chức danh của Hội đồng nhân dân thành phố được thực hiện như sau:

a) Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố đề cử danh sách nhân sự dự kiến giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng nhân dân thành phố, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân thành phố, Trưởng ban của Hội đồng nhân dân thành phố trong số đại biểu Hội đồng nhân dân trình Hội đồng nhân dân thành phố xem xét, quyết định. Trường hợp người tự ứng cử hoặc người được đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố đề cử ngoài danh sách do Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố giới thiệu thì Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố trình Hội đồng nhân dân xem xét, quyết định;

---

[20] Cụm từ "Hội đồng nhân dân tỉnh" tại Điều 16 được thay thế bằng cụm từ "Hội đồng nhân dân thành phố"; cụm từ "Ủy ban nhân dân tỉnh" tại khoản 2 Điều 16 được thay thế bằng cụm từ "Ủy ban nhân dân thành phố"; cụm từ "Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh" tại điểm a khoản 3 và điểm a khoản 4 Điều 16 được thay thế bằng cụm từ "Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Quảng Ninh"; cụm từ "Tòa án nhân dân tỉnh" tại điểm a khoản 4 Điều 16 được thay thế bằng cụm từ "Tòa án nhân dân thành phố" theo quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều 2 Nghị quyết số 02/2026/NQ-HĐND ngày 03 tháng 11 năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố Quảng Ninh, có hiệu lực kể từ ngày 03 tháng 11 năm 2026.

b) Đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố thảo luận;

c) Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố, Chủ tọa kỳ họp hoặc người được Chủ tọa kỳ họp phân công báo cáo Hội đồng nhân dân thành phố về việc giải trình, tiếp thu ý kiến đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố (nếu có);

d) Hội đồng nhân dân thành phố biểu quyết thông qua danh sách để bầu Chủ tịch Hội đồng nhân dân thành phố, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân thành phố, Trưởng ban của Hội đồng nhân dân thành phố;

đ) Hội đồng nhân dân thành phố bầu Ban kiểm phiếu theo sự giới thiệu của Chủ tọa kỳ họp để thực hiện nhiệm vụ kiểm phiếu tại kỳ họp theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

e) Hội đồng nhân dân thành phố bầu Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Trưởng ban của Hội đồng nhân dân bằng hình thức bỏ phiếu kín;

g) Ban kiểm phiếu báo cáo kết quả kiểm phiếu;

h) Chủ tọa kỳ họp hoặc người được Chủ tọa kỳ họp phân công trình Hội đồng nhân dân thành phố dự thảo nghị quyết xác nhận kết quả bầu chức danh;

i) Hội đồng nhân dân thành phố thảo luận về dự thảo nghị quyết;

k) Chủ tọa kỳ họp hoặc người được Chủ tọa phân công báo cáo Hội đồng nhân dân thành phố về việc giải trình, tiếp thu ý kiến đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố về dự thảo nghị quyết (nếu có);

l) Hội đồng nhân dân thành phố biểu quyết thông qua dự thảo nghị quyết.

2. Trình tự, thủ tục trình Hội đồng nhân dân thành phố bầu các chức danh của Ủy ban nhân dân thành phố được thực hiện như sau:

a) Chủ tịch Hội đồng nhân dân giới thiệu danh sách nhân sự dự kiến giữ chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân; Chủ tịch Ủy ban nhân dân giới thiệu nhân sự dự kiến giữ chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Ủy viên Ủy ban nhân dân trình Hội đồng nhân dân;

b) Việc Hội đồng nhân dân thành phố bầu các chức danh của Ủy ban nhân dân thành phố được thực hiện tương tự như quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Trình tự, thủ tục trình Hội đồng nhân dân thành phố bầu Hội thẩm nhân dân:

a) Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố trình danh sách để Hội đồng nhân dân thành phố bầu Hội thẩm nhân dân;

b) Việc Hội đồng nhân dân thành phố bầu Hội thẩm nhân dân được thực hiện tương tự như quy định tại khoản 1 Điều này.

4. Trình tự, thủ tục trình Hội đồng nhân dân thành phố cho thôi giữ chức vụ, cho từ chức, miễn nhiệm, bãi nhiệm người giữ chức vụ do Hội đồng nhân dân bầu được thực hiện như sau:

a) Cơ quan, người có thẩm quyền trình Hội đồng nhân dân thành phố bầu thì có thẩm quyền trình Hội đồng nhân dân thành phố cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm, bãi nhiệm người giữ chức vụ do Hội đồng nhân dân thành phố bầu; riêng đối với miễn nhiệm, bãi nhiệm Hội thẩm nhân dân thì do Chánh án Tòa án nhân dân

thành phố sau khi thống nhất với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố đề nghị Hội đồng nhân dân thành phố miễn nhiệm, bãi nhiệm Hội thẩm nhân dân.

b) Việc cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm, bãi nhiệm người giữ chức vụ do Hội đồng nhân dân thành phố bầu được thực hiện tương tự như quy định tại khoản 1 Điều này. Trường hợp cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm thì Hội đồng nhân dân thành phố biểu quyết công khai và không bầu Ban kiểm phiếu; trường hợp bãi nhiệm thì bỏ phiếu kín.

5. Việc cho thôi làm nhiệm vụ đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố được thực hiện như sau:

a) Căn cứ đơn xin thôi làm nhiệm vụ của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố, Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố xem xét, trình Hội đồng nhân dân thành phố quyết định việc cho thôi làm nhiệm vụ đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố. Trong thời gian Hội đồng nhân dân không họp thì do Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố xem xét, quyết định và báo cáo Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp gần nhất;

b) Trình tự, thủ tục trình Hội đồng nhân dân thành phố cho thôi làm nhiệm vụ đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp Hội đồng nhân dân thành phố được thực hiện tương tự như quy định tại khoản 1 Điều này. Hội đồng nhân dân thành phố quyết định hình thức biểu quyết; trường hợp biểu quyết công khai thì không bầu Ban kiểm phiếu.

Điều 17. Hồ sơ về nhân sự trình Hội đồng nhân dân thành phố quyết định[21]

1. Hồ sơ trình Hội đồng nhân dân thành phố bầu các chức danh của Hội đồng nhân dân thành phố, Ủy ban nhân dân thành phố bao gồm:

a) Tờ trình của cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền trình Hội đồng nhân dân bầu các chức danh của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân;

b) Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân;

c) Các tài liệu liên quan đến lý lịch, nhận xét, đánh giá, kết luận về nhân sự của cấp có thẩm quyền theo quy định;

d) Các tài liệu khác có liên quan do Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố quyết định theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.

2. Hồ sơ trình Hội đồng nhân dân thành phố cho thôi giữ chức vụ, cho từ chức, miễn nhiệm, bãi nhiệm đối với các chức danh do Hội đồng nhân dân thành phố bầu bao gồm:

a) Tờ trình của cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền trình Hội đồng nhân dân thành phố xem xét cho thôi giữ chức vụ, cho từ chức, miễn nhiệm, bãi nhiệm đối với người giữ chức vụ do Hội đồng nhân dân thành phố bầu kèm theo đơn xin thôi giữ chức vụ, đơn xin từ chức (nếu có);

b) Dự thảo nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố về việc cho thôi giữ

---

[21] Cụm từ "Hội đồng nhân dân tỉnh" tại Điều 17 được thay thế bằng cụm từ "Hội đồng nhân dân thành phố"; cụm từ "Ủy ban nhân dân tỉnh" tại khoản 1 Điều 17 được thay thế bằng cụm từ "Ủy ban nhân dân thành phố" theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 02/2026/NQ-HĐND ngày 03 tháng 11 năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố Quảng Ninh, có hiệu lực kể từ ngày 03 tháng 11 năm 2026.

chức vụ, cho từ chức, miễn nhiệm, bãi nhiệm đối với người giữ chức vụ do Hội đồng nhân dân thành phố bầu;

c) Văn bản thi hành kỷ luật (nếu có) hoặc ý kiến của cấp có thẩm quyền;

d) Các tài liệu khác có liên quan (nếu có).

3. Hồ sơ trình Hội đồng nhân dân thành phố về việc cho thôi làm nhiệm vụ đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố bao gồm:

a) Đơn xin thôi làm nhiệm vụ đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố và các tài liệu có liên quan;

b) Tờ trình của Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố;

c) Dự thảo nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố về việc cho thôi làm nhiệm vụ đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố.

4. Hồ sơ trình Hội đồng nhân dân thành phố về việc miễn nhiệm, bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố bao gồm:

a) Tờ trình của Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố;

b) Dự thảo nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố về việc miễn nhiệm, bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố;

c) Văn bản thi hành kỷ luật (nếu có) hoặc ý kiến của cấp có thẩm quyền;

d) Văn bản ý kiến của Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam nơi đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố đó đang sinh hoạt Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố (nếu có);

đ) Văn bản ý kiến của Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố nơi đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố đang sinh hoạt (nếu có).

Điều 18. Trình tự xem xét lập danh mục, đăng ký xây dựng, ban hành nghị quyết quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân thành phố[22]

1. Lập danh mục nghị quyết của Hội đồng nhân dân quy định chi tiết văn bản quy phạm pháp luật

a) Ủy ban nhân dân xem xét, trình Thường trực Hội đồng nhân dân quyết định danh mục nghị quyết của Hội đồng nhân dân quy định chi tiết luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước, nghị định, nghị quyết của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ, thông tư của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ.

b) Tờ trình đề nghị ban hành danh mục nghị quyết của Hội đồng nhân dân quy định chi tiết văn bản quy phạm pháp luật phải nêu rõ tên văn bản được quy định chi tiết; nội dung giao quy định chi tiết; cơ quan chủ trì soạn thảo, cơ quan phối hợp; thời hạn trình thông qua hoặc ban hành.

2. Đăng ký xây dựng nghị quyết quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân

---

[22] Cụm từ "Hội đồng nhân dân tỉnh" tại Điều 18 được thay thế bằng cụm từ "Hội đồng nhân dân thành phố"; cụm từ "Ủy ban nhân dân tỉnh" tại điểm a khoản 2 Điều 18 được thay thế bằng cụm từ "Ủy ban nhân dân thành phố" theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 02/2026/NQ-HĐND ngày 03 tháng 11 năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố Quảng Ninh, có hiệu lực kể từ ngày 03 tháng 11 năm 2026.

thành phố

a) Ủy ban nhân dân thành phố, các ban của Hội đồng nhân dân thành phố căn cứ văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên, thực tế ở địa phương, tự mình hoặc theo đề nghị của cơ quan, tổ chức, đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố, đăng ký xây dựng nghị quyết của Hội đồng nhân dân và gửi đến Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố qua Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân thành phố.

b) Tờ trình đăng ký xây dựng nghị quyết quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân thành phố nêu rõ sự cần thiết, mục đích ban hành, phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng; các vấn đề cụ thể xử lý mâu thuẫn, chồng chéo, bất cập có nguyên nhân từ pháp luật; vấn đề mới và các nội dung cần thiết khác (nếu có); thời gian dự kiến trình và thông qua.

3. Ban Pháp chế của Hội đồng nhân dân thành phố chủ trì, phối hợp với các ban của Hội đồng nhân dân thành phố có ý kiến về đề nghị lập danh mục hoặc đăng ký xây dựng nghị quyết và báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố xem xét, quyết định.

4. Trình tự, thủ tục Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố xem xét đề nghị lập danh mục, đăng ký xây dựng nghị quyết thực hiện theo quy định tại Điều 21 và Điều 23 của Quy chế này và các quy định khác có liên quan.

Điều 19. Thông tin về kỳ họp Hội đồng nhân dân thành phố[23]

1. Khi cần thiết, Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố tổ chức họp báo hoặc giao Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân thành phố họp báo về chương trình, nội dung kỳ họp Hội đồng nhân dân thành phố để cung cấp thông tin về các nội dung của kỳ họp Hội đồng nhân dân thành phố.

2. Chậm nhất là 10 ngày kể từ ngày nghị quyết được thông qua, Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân thành phố đăng tải công khai nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố trên Cổng thông tin điện tử thành phố, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Các phiên họp của Hội đồng nhân dân thành phố được phát thanh, truyền hình trực tiếp (trừ trường hợp do Hội đồng nhân dân thành phố quyết định) theo chương trình kỳ họp đã được Hội đồng nhân dân thành phố thông qua.

4. Cơ quan báo chí có thể được mời tham dự và đưa tin về kỳ họp Hội đồng nhân dân thành phố theo quyết định của Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố.

Chương III
THƯỜNG TRỰC HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

Điều 20. Chế độ, hình thức làm việc

---

[23] Cụm từ "Hội đồng nhân dân tỉnh" tại Điều 19 được thay thế bằng cụm từ "Hội đồng nhân dân thành phố"; cụm từ "Cổng thông tin điện tử của tỉnh" tại khoản 2 Điều 19 được thay thế bằng cụm từ "Cổng thông tin điện tử thành phố" theo quy định tại khoản 1 và khoản 5 Điều 2 Nghị quyết số 02/2026/NQ-HĐND ngày 03 tháng 11 năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố Quảng Ninh, có hiệu lực kể từ ngày 03 tháng 11 năm 2026.

1. Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố[24] họp thường kỳ mỗi tháng 01 lần; khi cần thiết thì họp đột xuất theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng nhân dân thành phố. Phiên họp phải bảo đảm có ít nhất hai phần ba tổng số thành viên Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố tham dự.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố thảo luận tập thể và quyết định theo đa số. Các quyết định của Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố phải được quá nửa tổng số thành viên Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố biểu quyết tán thành. Trường hợp biểu quyết ngang nhau thì thực hiện theo ý kiến mà Chủ tịch Hội đồng nhân dân thành phố đã biểu quyết, kể cả trường hợp xin ý kiến bằng văn bản; thực hiện giải quyết công việc đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật và Quy chế này.

3. Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước Hội đồng nhân dân thành phố; ban hành văn bản theo thẩm quyền và được sử dụng con dấu của Hội đồng nhân dân thành phố để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao; phân công nhiệm vụ cho các ban, Trưởng ban, Phó Trưởng ban và Ủy viên là đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố hoạt động chuyên trách thực hiện một số nhiệm vụ cụ thể theo thẩm quyền.

Các thành viên Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố chịu trách nhiệm cá nhân trước Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố phân công.

4. Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố làm việc thông qua các hình thức sau đây:

a) Phiên họp thường kỳ, phiên họp đột xuất;

b) Gửi xin ý kiến bằng văn bản;

c) Hội nghị;

d) Các đoàn công tác;

đ) Các hình thức hoạt động khác theo quy định của pháp luật.

Điều 21. Phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố[25]

1. Chủ tịch Hội đồng nhân dân thành phố quyết định về thời gian, chương trình, nội dung, hình thức họp, thành phần họp, triệu tập và chủ tọa phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố phân công các ban của Hội đồng nhân dân thành phố xem xét, cho ý kiến các nội dung trình tại phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố; phân công Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân thành phố tham mưu, phục vụ.

---

[24] Cụm từ "Hội đồng nhân dân tỉnh" tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều 20 được thay thế bằng cụm từ "Hội đồng nhân dân thành phố" theo quy định tại khoản 1 Điều 2 của Nghị quyết số 02/2026/NQ-HĐND ngày 03 tháng 11 năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố Quảng Ninh, có hiệu lực kể từ ngày 03 tháng 11 năm 2026.

[25] Cụm từ "Hội đồng nhân dân tỉnh" tại Điều 21 được thay thế bằng cụm từ "Hội đồng nhân dân thành phố"; cụm từ "Ủy ban nhân dân tỉnh" tại khoản 4 Điều 21 được thay thế bằng cụm từ "Ủy ban nhân dân thành phố" theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 02/2026/NQ-HĐND ngày 03 tháng 11 năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố Quảng Ninh, có hiệu lực kể từ ngày 03 tháng 11 năm 2026.

3. Trường hợp cần thiết, căn cứ tình hình thực tế hoặc theo đề nghị của thành viên Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan, Chủ tịch Hội đồng nhân dân thành phố xem xét, quyết định điều chỉnh chương trình phiên họp.

4. Căn cứ vào chương trình phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố, Ủy ban nhân dân thành phố và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chuẩn bị nội dung trình phiên họp theo phân công của Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố, bảo đảm chất lượng và thời gian theo quy định.

Các văn bản, tài liệu trình tại phiên họp được gửi đến Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân thành phố để báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố chậm nhất là 03 ngày làm việc trước khi tổ chức phiên họp.

5. Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân thành phố có trách nhiệm phối hợp với các ban của Hội đồng nhân dân thành phố trong việc chuẩn bị dự kiến nội dung, chương trình phiên họp, ghi biên bản phiên họp; chủ trì hoàn thiện các thông báo, kết luận phiên họp, lưu giữ hồ sơ, tài liệu của phiên họp.

Các văn bản, tài liệu phục vụ phiên họp được gửi đến để báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố nghiên cứu chậm nhất là 01 ngày làm việc trước khi tổ chức phiên họp.

6. Trình tự tiến hành phiên họp của Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố được thực hiện như sau:

a) Chủ tọa phiên họp phát biểu khai mạc và gợi ý những nội dung tập trung thảo luận;

b) Người đứng đầu cơ quan, tổ chức trình dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án trình bày tờ trình dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án để Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố xem xét, cho ý kiến;

c) Ban của Hội đồng nhân dân thành phố trình bày báo cáo thẩm tra hoặc báo cáo ý kiến nghiên cứu (nếu có);

d) Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố thảo luận;

đ) Đại biểu tham dự phiên họp được mời phát biểu ý kiến (nếu có);

e) Người đứng đầu cơ quan, tổ chức trình dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án phát biểu ý kiến tiếp thu, giải trình các ý kiến của Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố về những vấn đề còn có ý kiến khác nhau (nếu có);

g) Chủ tọa kết luận;

7. Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố xem xét, quyết định về việc mời cơ quan báo chí tham dự và đưa tin về nội dung phiên họp (nếu có).

Điều 22. Văn bản kết luận phiên họp của Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố[26]

1. Căn cứ vào kết luận của Chủ tọa phiên họp, Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân thành phố chủ trì, phối hợp với ban của Hội đồng nhân dân thành phố được phân công chủ trì thẩm tra xây dựng dự thảo thông báo kết luận

---

[26] Cụm từ "Hội đồng nhân dân tỉnh" tại Điều 22 được thay thế bằng cụm từ "Hội đồng nhân dân thành phố" theo quy định tại khoản 1 Điều 2 của Nghị quyết số 02/2026/NQ-HĐND ngày 03 tháng 11 năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố Quảng Ninh, có hiệu lực kể từ ngày 03 tháng 11 năm 2026.

của Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố trình Chủ tọa phiên họp (trường hợp là Chủ tịch Hội đồng nhân dân thành phố) xem xét, quyết định hoặc trình Chủ tọa phiên họp (trường hợp là Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân thành phố) xem xét, cho ý kiến trước khi trình Chủ tịch Hội đồng nhân dân thành phố xem xét, quyết định.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố ban hành văn bản thông báo kết luận gửi đến cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan để tổ chức thực hiện.

Điều 23. Trình tự, thủ tục Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố xem xét, cho ý kiến, quyết định bằng văn bản[27]

1. Trường hợp không tổ chức được phiên họp do thiên tai, dịch bệnh hoặc tình trạng khẩn cấp khác, hoặc căn cứ tính chất, nội dung công việc, Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố quyết định việc lấy ý kiến các thành viên bằng văn bản đối với nội dung thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Thường trực Hội đồng nhân dân theo quy định của pháp luật, gồm: quyết định số lượng thành viên các Ban của Hội đồng nhân dân thành phố; phê chuẩn danh sách và việc cho thôi làm Phó Trưởng Ban, Ủy viên các Ban của Hội đồng nhân dân thành phố; phê chuẩn kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân cấp xã; các văn bản tham gia góp ý, báo cáo của Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố; phê chuẩn việc cho thôi giữ chức vụ, cho từ chức đối với người giữ chức vụ do Hội đồng nhân dân thành phố bầu trong thời gian Hội đồng nhân dân không họp theo các điều kiện, hồ sơ và trình tự quy định tại Điều 37 Luật Tổ chức chính quyền địa phương; xem xét, phê chuẩn việc cho thôi giữ chức vụ Trưởng Ban của Hội đồng nhân dân thành phố, Ủy viên Ủy ban nhân dân thành phố do chuyển công tác khác theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền; và các nội dung khác thuộc thẩm quyền của Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố. Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố quyết định việc lấy ý kiến bằng văn bản theo đề nghị của cơ quan chủ trì nội dung trình hoặc theo yêu cầu giải quyết công việc của Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố[28].

2. Hồ sơ, tài liệu trình Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố xem xét, cho ý kiến, quyết định bằng văn bản gồm:

a) Văn bản đề nghị hoặc Tờ trình của cơ quan trình xin ý kiến;

b) Dự thảo nghị quyết hoặc văn bản trả lời của Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố về nội dung xin ý kiến; phiếu biểu quyết bằng văn bản (nếu có);

c) Dự thảo kết luận của Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố (nếu có);

d) Các tài liệu khác có liên quan (nếu có).

3. Trình tự Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố xem xét, cho ý kiến bằng văn bản thực hiện như sau:

a) Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân thành phố gửi hồ sơ, tài liệu trình Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố xem xét, cho ý kiến,

---

[27] Cụm từ "Hội đồng nhân dân tỉnh" tại Điều 23 được thay thế bằng cụm từ "Hội đồng nhân dân thành phố" theo quy định tại khoản 1 Điều 2 của Nghị quyết số 02/2026/NQ-HĐND ngày 03 tháng 11 năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố Quảng Ninh, có hiệu lực kể từ ngày 03 tháng 11 năm 2026.

[28] Khoản 1 Điều 23 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 1 của Nghị quyết số 02/2026/NQ-HĐND ngày 03 tháng 11 năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố Quảng Ninh, có hiệu lực kể từ ngày 03 tháng 11 năm 2026.

quyết định bằng văn bản tới các thành viên Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố, đồng thời gửi Ban của Hội đồng nhân dân thành phố để thẩm tra (nếu cần thiết);

b) Trên cơ sở hồ sơ, tài liệu và ý kiến thẩm tra của Ban của Hội đồng nhân dân thành phố (nếu có), thành viên Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố cho ý kiến vào dự thảo nghị quyết, đề án, báo cáo và phiếu biểu quyết bằng văn bản, gửi về Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân thành phố để tổng hợp;

c) Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân thành phố tổng hợp kết quả biểu quyết bằng phiếu, ý kiến của các thành viên Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố và gửi Ban của Hội đồng nhân dân thành phố được phân công thẩm tra (nếu có);

d) Cơ quan trình có trách nhiệm nghiên cứu, tiếp thu, giải trình, chỉnh lý dự thảo nghị quyết, đề án, báo cáo;

đ) Ban của Hội đồng nhân dân thành phố được phân công thẩm tra hoặc Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân thành phố thực hiện rà soát, trình Chủ tịch Hội đồng nhân dân thành phố ký ban hành nghị quyết của Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố khi bảo đảm điều kiện theo quy định.

Điều 24. Trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng nhân dân thành phố, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân thành phố, Ủy viên là Trưởng ban của Hội đồng nhân dân thành phố[29]

1. Trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng nhân dân thành phố:

a) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Hiến pháp, Luật Tổ chức chính quyền địa phương, các quy định của pháp luật có liên quan và Quy chế này;

b) Lãnh đạo, chỉ đạo việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố;

c) Chủ tịch Hội đồng nhân dân thành phố chịu trách nhiệm cá nhân trước Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân công; chịu trách nhiệm tập thể trước Hội đồng nhân dân thành phố về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố.

2. Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân thành phố thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo phân công của Chủ tịch Hội đồng nhân dân thành phố; chịu trách nhiệm cá nhân trước Chủ tịch Hội đồng nhân dân thành phố về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân công; chịu trách nhiệm tập thể về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố.

3. Ủy viên là Trưởng ban của Hội đồng nhân dân thành phố thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo phân công của Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố; chịu trách nhiệm tập thể về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố; chịu trách nhiệm cá nhân trước Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố phân công.

---

[29] Cụm từ "Hội đồng nhân dân tỉnh" tại Điều 24 được thay thế bằng cụm từ "Hội đồng nhân dân thành phố" theo quy định tại khoản 1 Điều 2 của Nghị quyết số 02/2026/NQ-HĐND ngày 03 tháng 11 năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố Quảng Ninh, có hiệu lực kể từ ngày 03 tháng 11 năm 2026.

Điều 25. Chế độ thông tin, báo cáo của Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố[30]

1. Thực hiện chế độ báo cáo của Hội đồng nhân dân thành phố, Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố với Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ và các cơ quan theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện chế độ thông tin đến Nhân dân, công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng, trang thông tin điện tử về tình hình tổ chức và hoạt động của Hội đồng nhân dân thành phố, Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố; về việc giải quyết ý kiến, kiến nghị của cử tri.

3. Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố yêu cầu các cơ quan cung cấp thông tin phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân thành phố, Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố.

4. Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố quyết định về thẩm quyền, nội dung phát ngôn, cung cấp thông tin cho báo chí trước mỗi lần họp báo (nếu có). Người phát ngôn chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Chủ tịch Hội đồng nhân dân thành phố, Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố về nội dung phát ngôn và thông tin cung cấp cho báo chí.

Chương IV

BAN CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

Điều 26. Chế độ, hình thức làm việc

1. Ban của Hội đồng nhân dân thành phố[31] làm việc theo chế độ tập thể, quyết định theo đa số; thực hiện giải quyết công việc đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật và Quy chế này.

2. Ban của Hội đồng nhân dân thành phố chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước Hội đồng nhân dân thành phố, Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố (báo cáo định kỳ hoặc đột xuất); ban hành văn bản và được sử dụng con dấu của Hội đồng nhân dân thành phố để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

3. Ban của Hội đồng nhân dân thành phố làm việc thông qua hình thức tổ chức phiên họp thường kỳ, phiên họp đột xuất, gửi xin ý kiến bằng văn bản, tổ chức hội nghị, tổ chức các đoàn công tác và các hình thức hoạt động khác theo quy định của pháp luật.

Điều 27. Phạm vi, lĩnh vực phụ trách của các ban của Hội đồng nhân dân thành phố[32]

1. Ban Pháp chế của Hội đồng nhân dân thành phố phụ trách các lĩnh vực: tổ chức và bảo đảm việc thi hành Hiến pháp và pháp luật; tổ chức bộ máy và xây dựng

---

[30] Cụm từ "Hội đồng nhân dân tỉnh" tại Điều 25 được thay thế bằng cụm từ "Hội đồng nhân dân thành phố" theo quy định tại khoản 1 Điều 2 của Nghị quyết số 02/2026/NQ-HĐND ngày 03 tháng 11 năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố Quảng Ninh, có hiệu lực kể từ ngày 03 tháng 11 năm 2026.

[31] Cụm từ "Hội đồng nhân dân tỉnh" tại Điều 26 được thay thế bằng cụm từ "Hội đồng nhân dân thành phố" theo quy định tại khoản 1 Điều 2 của Nghị quyết số 02/2026/NQ-HĐND ngày 03 tháng 11 năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố Quảng Ninh, có hiệu lực kể từ ngày 03 tháng 11 năm 2026.

[32] Cụm từ "Hội đồng nhân dân tỉnh" tại Điều 27 được thay thế bằng cụm từ "Hội đồng nhân dân thành phố" theo quy định tại khoản 1 Điều 2 của Nghị quyết số 02/2026/NQ-HĐND ngày 03 tháng 11 năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố Quảng Ninh, có hiệu lực kể từ ngày 03 tháng 11 năm 2026.

chính quyền; quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội ở địa phương; thực hiện việc tự kiểm tra văn bản của Hội đồng nhân dân thành phố; phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện rà soát, hệ thống hóa văn bản của Hội đồng nhân dân thành phố theo quy định của pháp luật có liên quan;

2. Ban Văn hóa - Xã hội của Hội đồng nhân dân thành phố phụ trách các lĩnh vực: giáo dục, y tế, lao động, văn hóa, xã hội, thể dục, thể thao; khoa học, công nghệ, thông tin, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; chính sách dân tộc, tôn giáo ở địa phương;

3. Ban Kinh tế - Ngân sách của Hội đồng nhân dân thành phố phụ trách các lĩnh vực: quy hoạch, kế hoạch, tài chính, ngân sách, đầu tư và thực hiện liên kết vùng; thương mại, dịch vụ, du lịch, công nghiệp, xây dựng, giao thông; quy hoạch đô thị, phát triển đô thị, hạ tầng kỹ thuật đô thị và nông thôn; đất đai, tài nguyên, môi trường và nông, lâm, ngư nghiệp trên địa bàn thành phố[33].

4. Căn cứ tình hình thực tế, Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố phân công Ban chủ trì hoặc phối hợp nghiên cứu, khảo sát, giám sát các vấn đề mới thuộc lĩnh vực phụ trách của Ban. Đối với dự thảo nghị quyết, đề án, báo cáo liên quan đến nhiều lĩnh vực hoặc việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của thành phố theo luật, nghị quyết của Quốc hội và văn bản quy định chi tiết, Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố phân công Ban chủ trì nghiên cứu, thẩm tra và Ban phối hợp theo lĩnh vực phụ trách; việc phân công căn cứ nội dung chính của hồ sơ, không làm thay đổi thẩm quyền của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân theo quy định của pháp luật[34].

Điều 28. Trình tự, thủ tục thẩm tra đề án, báo cáo, dự thảo nghị quyết của các Ban của Hội đồng nhân dân thành phố[35]

1. Chậm nhất là 15 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp của Hội đồng nhân dân thành phố, cơ quan, tổ chức, cá nhân trình dự thảo nghị quyết, đề án, báo cáo phải gửi hồ sơ dự thảo nghị quyết, đề án, báo cáo đến Ban của Hội đồng nhân dân thành phố được phân công thẩm tra. Hồ sơ dự thảo nghị quyết, đề án, báo cáo gửi thẩm tra được thực hiện theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, các quy định khác có liên quan và theo yêu cầu của Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố.

2. Ban của Hội đồng nhân dân thành phố tổ chức phiên họp toàn thể để thẩm tra nghị quyết, đề án, báo cáo được phân công theo trình tự sau đây:

a) Đại diện cơ quan, tổ chức, cá nhân trình dự thảo nghị quyết, đề án, báo cáo trình bày;

b) Đại diện Ban trình bày báo cáo thẩm tra hoặc ý kiến của Ban (nếu có);

---

[33] Khoản 3 Điều 27 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 1 của Nghị quyết số 02/2026/NQ-HĐND ngày 03 tháng 11 năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố Quảng Ninh, có hiệu lực kể từ ngày 03 tháng 11 năm 2026.

[34] Khoản 4 Điều 27 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 1 của Nghị quyết số 02/2026/NQ-HĐND ngày 03 tháng 11 năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố Quảng Ninh, có hiệu lực kể từ ngày 03 tháng 11 năm 2026.

[35] Cụm từ "Hội đồng nhân dân tỉnh" tại Điều 28 được thay thế bằng cụm từ "Hội đồng nhân dân thành phố" theo quy định tại khoản 1 Điều 2 của Nghị quyết số 02/2026/NQ-HĐND ngày 03 tháng 11 năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố Quảng Ninh, có hiệu lực kể từ ngày 03 tháng 11 năm 2026.

c) Tập thể Ban thảo luận;

d) Đại diện cơ quan, tổ chức hữu quan phát biểu ý kiến;

đ) Đại diện cơ quan, tổ chức, cá nhân trình dự thảo nghị quyết, đề án, báo cáo phát biểu ý kiến (nếu có);

e) Chủ tọa phiên họp kết luận;

g) Tập thể Ban biểu quyết.

3. Báo cáo thẩm tra phải thể hiện rõ quan điểm của cơ quan thẩm tra về những vấn đề thuộc nội dung thẩm tra được thực hiện theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các quy định khác có liên quan; được gửi đến Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố chậm nhất là 05 ngày làm việc trước ngày khai mạc kỳ họp Hội đồng nhân dân thành phố, đồng thời phải gửi đến cơ quan trình dự thảo nghị quyết, đề án, báo cáo.

4. Dự thảo nghị quyết, đề án, báo cáo giải trình, tiếp thu sau họp thẩm tra (nếu có) thì cơ quan trình phải gửi ngay đến Hội đồng nhân dân thành phố để phục vụ kỳ họp. Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân thành phố có trách nhiệm hoàn thiện hồ sơ và gửi hồ sơ dự thảo nghị quyết đến đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc kỳ họp Hội đồng nhân dân thành phố[36].

Điều 29. Việc tổ chức phiên họp toàn thể Ban của Hội đồng nhân dân thành phố và việc xem xét, cho ý kiến bằng văn bản[37]

1. Trưởng ban của Hội đồng nhân dân thành phố quyết định triệu tập phiên họp toàn thể để xem xét, thảo luận, quyết định các nội dung thuộc thẩm quyền hoặc các nội dung theo phân công của Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố; phân công Phó trưởng ban, Ủy viên của Ban dự thảo nội dung trình phiên họp toàn thể của Ban hoặc chuẩn bị ý kiến của Ban trả lời các cơ quan.

2. Trình tự tổ chức phiên họp toàn thể Ban của Hội đồng nhân dân thành phố được thực hiện tương tự như quy định tại khoản 2 Điều 28 của Quy chế này.

3. Căn cứ kết luận phiên họp toàn thể của Ban, Trưởng ban phân công Phó trưởng ban hoặc Ủy viên của Ban chủ trì phối hợp với Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân thành phố hoàn thiện dự thảo các văn bản đã cho ý kiến tại phiên họp theo thẩm quyền, trình Trưởng ban xem xét, quyết định.

4. Trường hợp không tổ chức được phiên họp toàn thể Ban của Hội đồng nhân dân thành phố (do thiên tai, dịch bệnh hoặc tình trạng khẩn cấp khác) hoặc tùy vào tính chất, nội dung, Trưởng ban của Hội đồng nhân dân thành phố xem xét, quyết định việc xin ý kiến bằng văn bản. Trình tự, thủ tục Ban của Hội đồng nhân dân thành phố xem xét, cho ý kiến bằng văn bản được thực hiện như sau:

a) Trưởng ban của Hội đồng nhân dân thành phố phân công Phó trưởng ban, Ủy

---

[36] Khoản 4 Điều 28 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 1 của Nghị quyết số 02/2026/NQ-HĐND ngày 03 tháng 11 năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố Quảng Ninh, có hiệu lực kể từ ngày 03 tháng 11 năm 2026.

[37] Cụm từ "Hội đồng nhân dân tỉnh" tại Điều 29 được thay thế bằng cụm từ "Hội đồng nhân dân thành phố" theo quy định tại khoản 1 Điều 2 của Nghị quyết số 02/2026/NQ-HĐND ngày 03 tháng 11 năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố Quảng Ninh, có hiệu lực kể từ ngày 03 tháng 11 năm 2026.

viên của Ban nghiên cứu, xây dựng dự thảo văn bản của Ban;

b) Phó trưởng ban, Ủy viên của Ban được giao nhiệm vụ nghiên cứu gửi hồ sơ, tài liệu, phiếu xin ý kiến để các thành viên của Ban của Hội đồng nhân dân thành phố xem xét, cho ý kiến và biểu quyết bằng văn bản;

c) Phó trưởng ban, Ủy viên của Ban của Hội đồng nhân dân thành phố được giao nhiệm vụ nghiên cứu tổng hợp ý kiến, biểu quyết của thành viên Ban, hoàn thiện dự thảo văn bản và báo cáo Trưởng ban xem xét quyết định ký ban hành;

d) Trưởng ban của Hội đồng nhân dân thành phố ký văn bản của Ban gửi đến Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố, các cơ quan, tổ chức có liên quan;

đ) Cơ quan trình có trách nhiệm nghiên cứu, tiếp thu, giải trình, chỉnh lý dự thảo nghị quyết, đề án, báo cáo (nếu có).

Điều 30. Trách nhiệm của Trưởng ban, Phó trưởng ban và các Ủy viên

1. Trách nhiệm của Trưởng ban:

a) Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng ban theo quy định của pháp luật có liên quan thuộc lĩnh vực Ban phụ trách, các nhiệm vụ được Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố[38] phân công;

b) Phân công nhiệm vụ cho Phó trưởng ban, Ủy viên là đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố hoạt động chuyên trách và các uỷ viên khác của Ban; Phụ trách chung, chỉ đạo, điều hành công việc của Ban; chịu trách nhiệm tập thể trước Hội đồng nhân dân thành phố, Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố về hoạt động của Ban; chịu trách nhiệm cá nhân trước Ban, Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng ban;

c) Thay mặt Ban trình bày báo cáo trước Hội đồng nhân dân thành phố, Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố;

d) Cung cấp thông tin về hoạt động của Ban cho các cơ quan báo chí (nếu có yêu cầu);

đ) Xử lý văn bản đi, đến của Ban;

e) Ký văn bản của Ban.

2. Trách nhiệm của Phó trưởng ban:

a) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo phân công của Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố, Trưởng ban;

b) Chịu trách nhiệm tập thể trước Hội đồng nhân dân thành phố, Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố về việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Ban; chịu trách nhiệm cá nhân trước Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố, Trưởng ban và Ban về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân công;

c) Ký các văn bản của Ban theo phân công của Trưởng ban.

d) Được tham dự các phiên họp, hội nghị của Thường trực Hội đồng nhân dân

---

[38] Cụm từ "Hội đồng nhân dân tỉnh" tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều 30 được thay thế bằng cụm từ "Hội đồng nhân dân thành phố" theo quy định tại khoản 1 Điều 2 của Nghị quyết số 02/2026/NQ-HĐND ngày 03 tháng 11 năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố Quảng Ninh, có hiệu lực kể từ ngày 03 tháng 11 năm 2026.

thành phố (khi được triệu tập).

3. Trách nhiệm của Ủy viên là đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố hoạt động chuyên trách:

a) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo phân công của Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố, Trưởng ban, Phó trưởng ban;

b) Chịu trách nhiệm tập thể trước Hội đồng nhân dân thành phố, Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ban; chịu trách nhiệm cá nhân trước Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố, Trưởng ban, Phó trưởng ban về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân công.

c) Được tham dự các phiên họp, hội nghị của Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố (khi được triệu tập).

4. Trách nhiệm của Ủy viên là đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố hoạt động kiêm nhiệm:

a) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo phân công của Trưởng ban hoặc Phó trưởng ban;

b) Chịu trách nhiệm tập thể trước Hội đồng nhân dân thành phố, Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ban; chịu trách nhiệm cá nhân về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được Trưởng ban và Phó trưởng ban phân công.

Chương V
TỔ ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

Điều 31. Trách nhiệm của Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố[39]

1. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật, hướng dẫn của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, các quy định pháp luật có liên quan và theo sự phân công của Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố.

2. Thực hiện giám sát về các vấn đề do Hội đồng nhân dân thành phố hoặc Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố phân công theo quy định của Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân và các văn bản hướng dẫn thi hành.

3. Tổ chức cho đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố tiếp xúc cử tri, tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri trước kỳ họp Hội đồng nhân dân thành phố theo quy định.

Điều 32. Trách nhiệm của Tổ trưởng, Tổ phó Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố[40]

1. Trách nhiệm của Tổ trưởng Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố:

a) Điều hành và chịu trách nhiệm chung về hoạt động của Tổ đại biểu Hội đồng

---

[39] Cụm từ "Hội đồng nhân dân tỉnh" tại Điều 31 được thay thế bằng cụm từ "Hội đồng nhân dân thành phố" theo quy định tại khoản 1 Điều 2 của Nghị quyết số 02/2026/NQ-HĐND ngày 03 tháng 11 năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố Quảng Ninh, có hiệu lực kể từ ngày 03 tháng 11 năm 2026.

[40] Cụm từ "Hội đồng nhân dân tỉnh" tại Điều 32 được thay thế bằng cụm từ "Hội đồng nhân dân thành phố"; cụm từ "Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh" tại Điều 32 được thay thế bằng cụm từ "Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Quảng Ninh" theo quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 2 Nghị quyết số 02/2026/NQ-HĐND ngày 03 tháng 11 năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố Quảng Ninh, có hiệu lực kể từ ngày 03 tháng 11 năm 2026.

nhân dân thành phố trước Hội đồng nhân dân thành phố và Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố;

b) Chủ trì điều hành các phiên họp Tổ; thay mặt Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố ký các văn bản của Tổ;

c) Thường xuyên giữ mối liên hệ với Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố; Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp xã và các cơ quan, tổ chức liên quan.

2. Tổ phó Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố có trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khi được Tổ trưởng phân công.

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUẢNG NINH

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT
Quảng Ninh, ngày 03 tháng 11 năm 2026
CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NINH

Trịnh Thị Minh Thanh

Nơi nhận:
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội (báo cáo);
- Bộ Tư pháp;
- Thường trực Thành ủy (báo cáo);
- Thường trực HĐND, UBND thành phố;
- Đoàn đại biểu Quốc hội thành phố;
- Đại biểu HĐND thành phố khóa I;
- Các ban xây dựng Đảng và VP Thành ủy;
- Ủy ban MTTQ, các tổ chức CT-XH thành phố;
- Các sở, ban, ngành thuộc thành phố;
- VP: Đoàn ĐBQH và HĐND thành phố; UBND thành phố;
- TT HĐND, UBND các xã, phường, đặc khu;
- Báo và Phát thanh, truyền hình thành phố;
- Công báo thành phố;
- Lưu: VT, HĐ9.